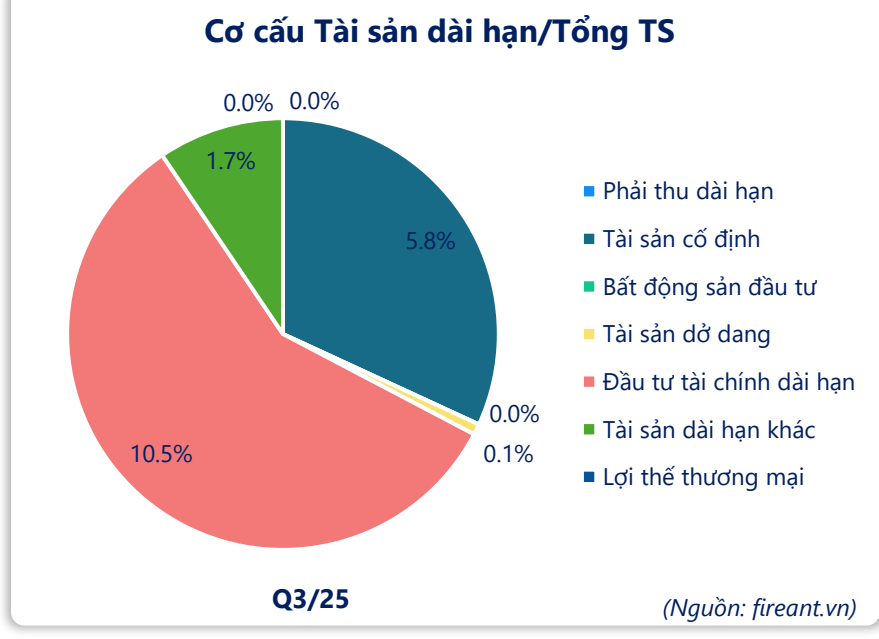
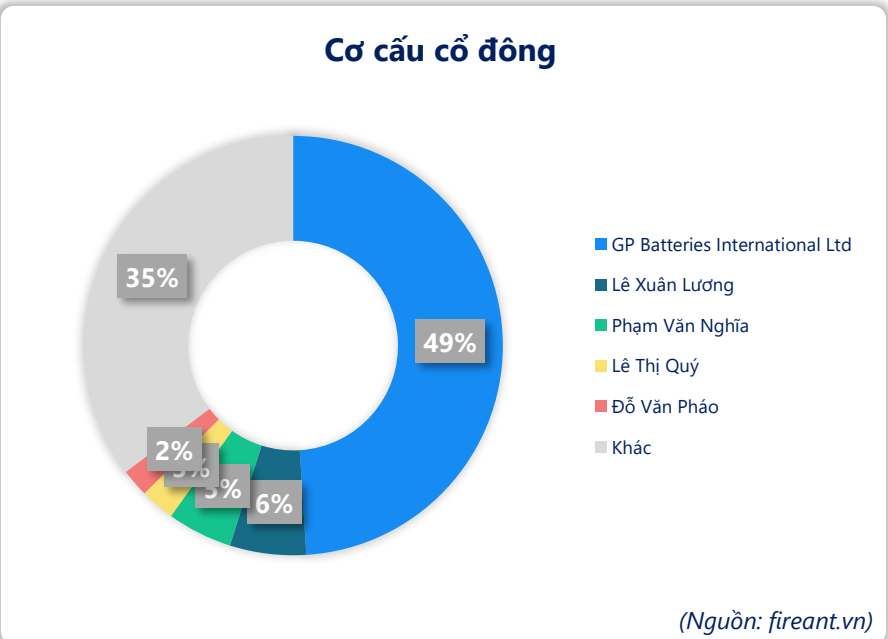
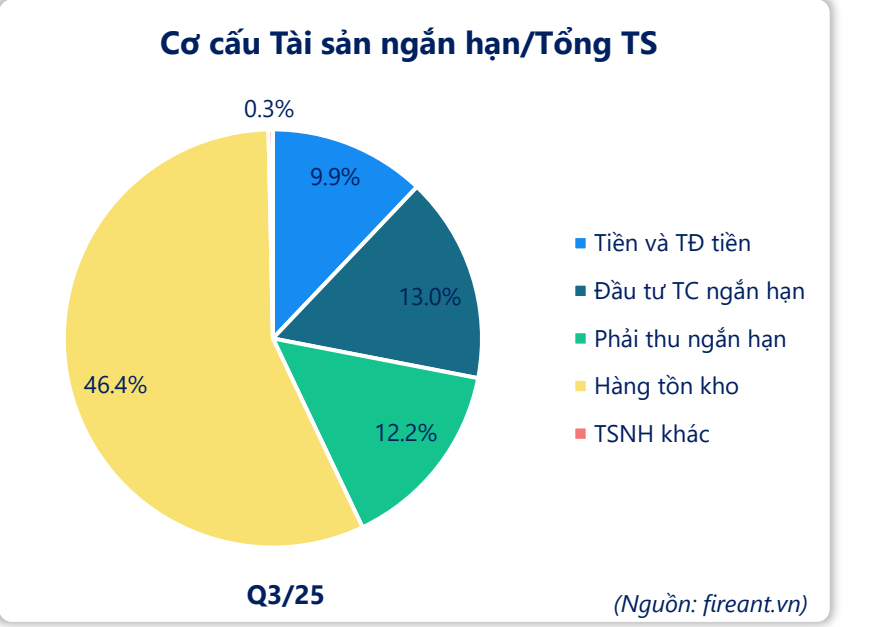
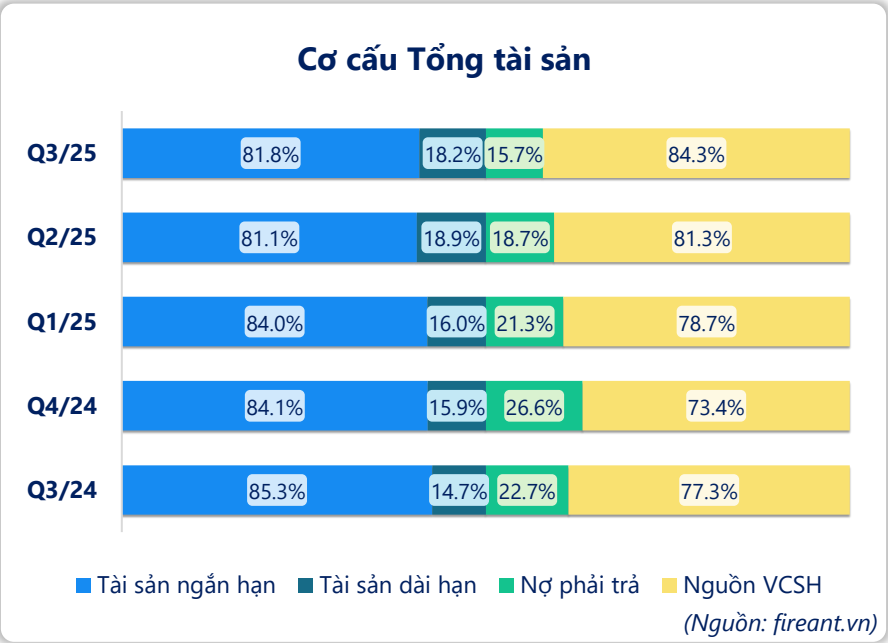
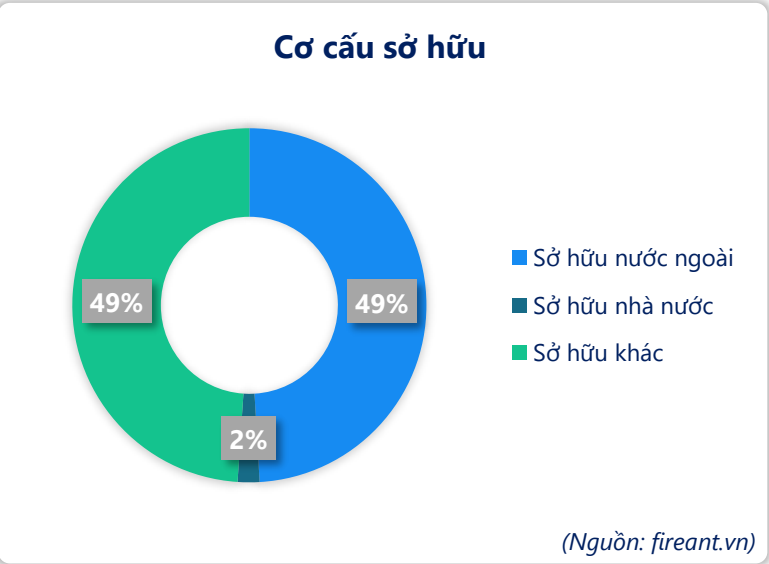
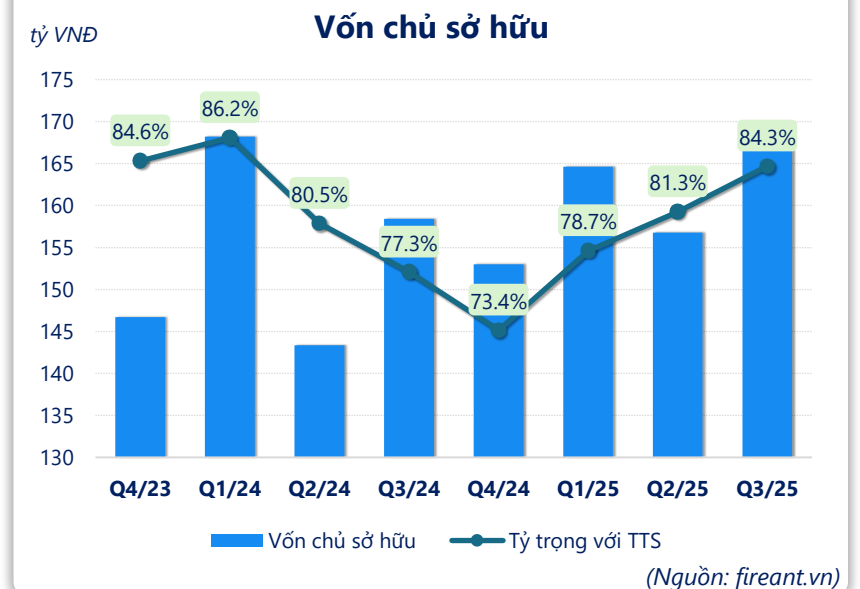
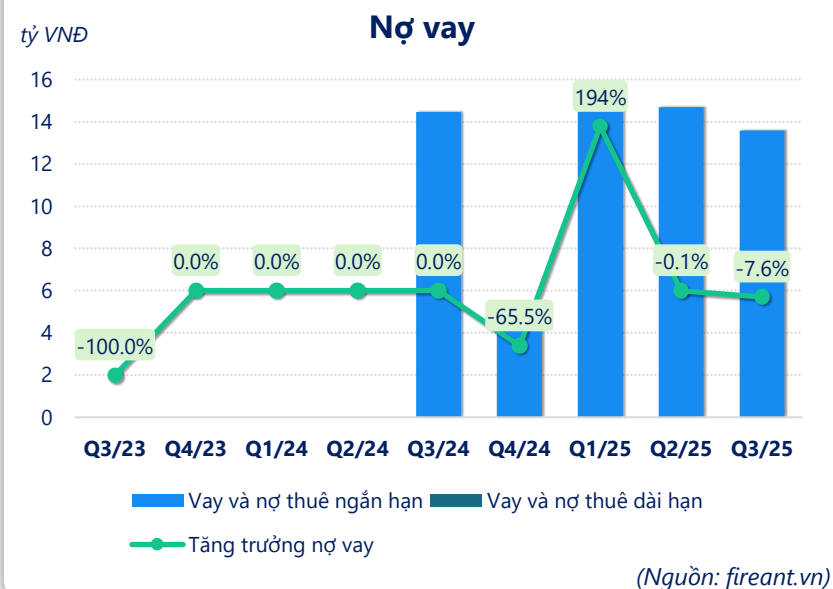
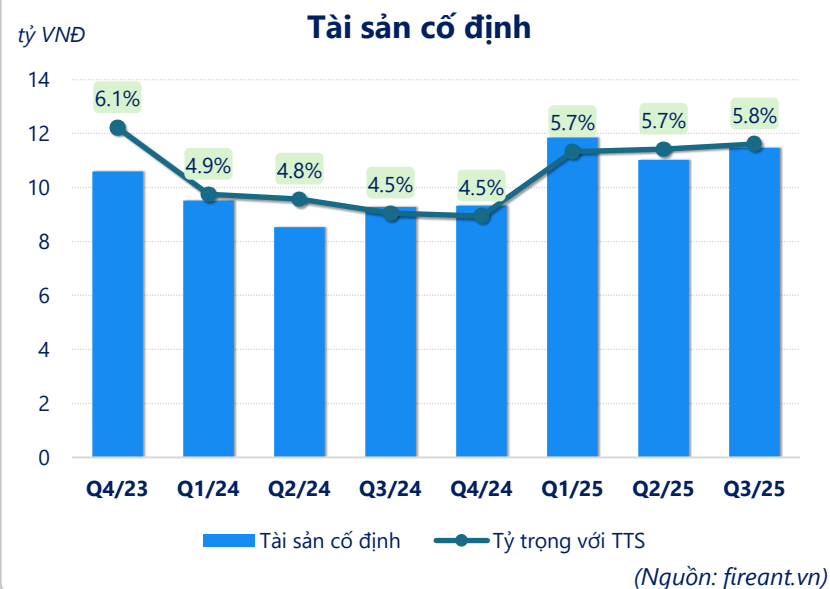
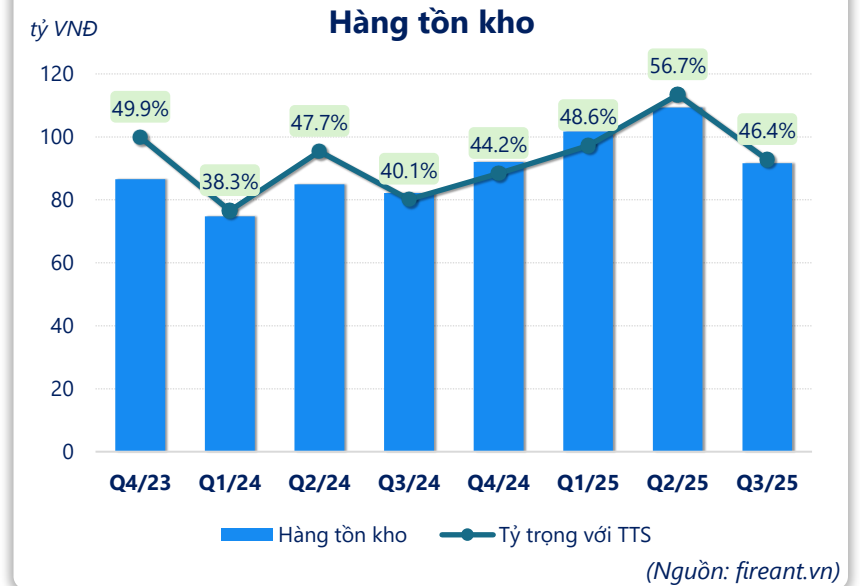
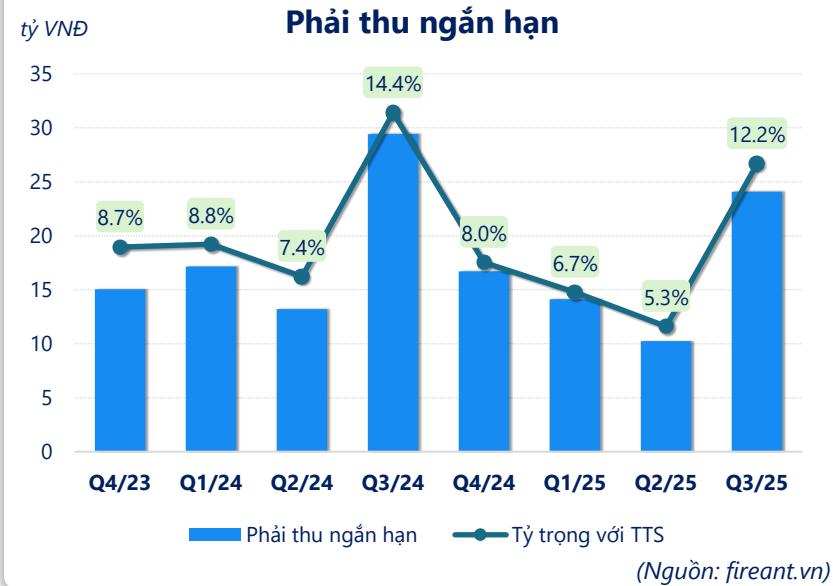
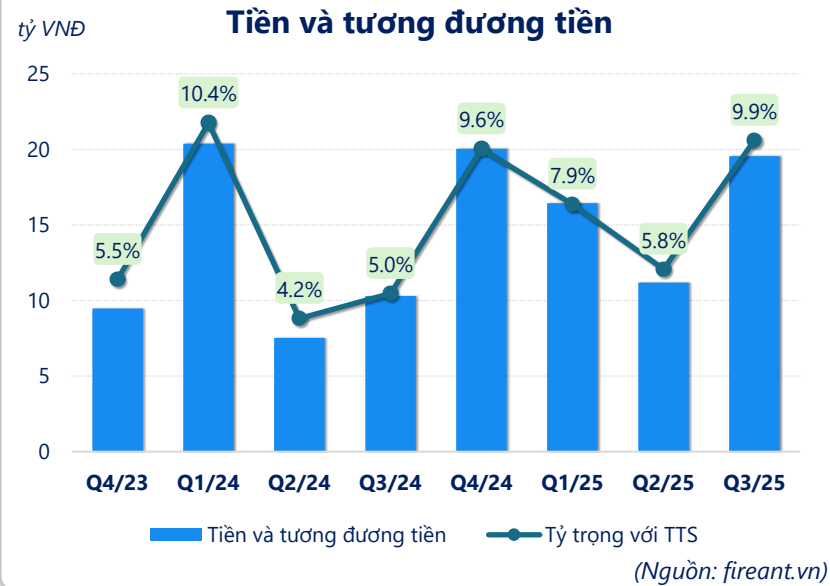
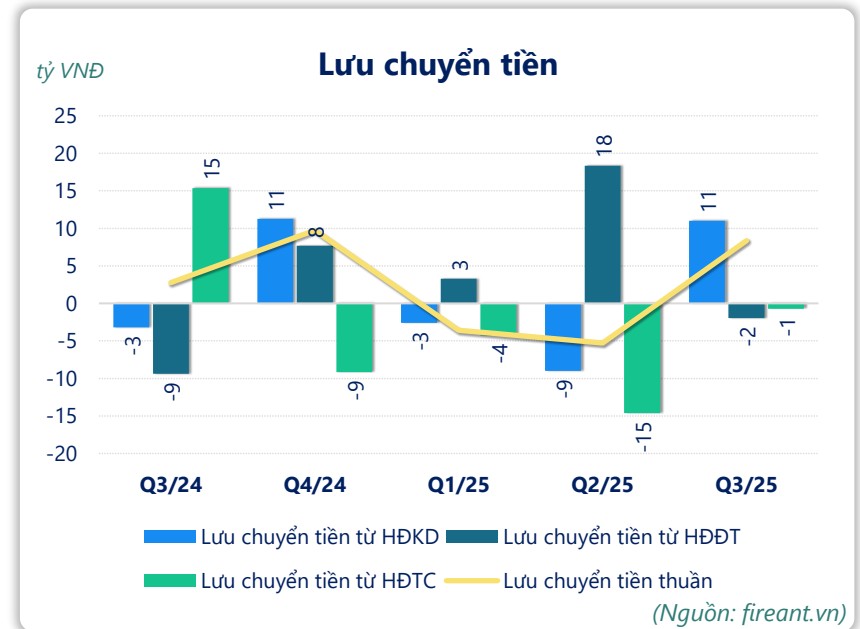
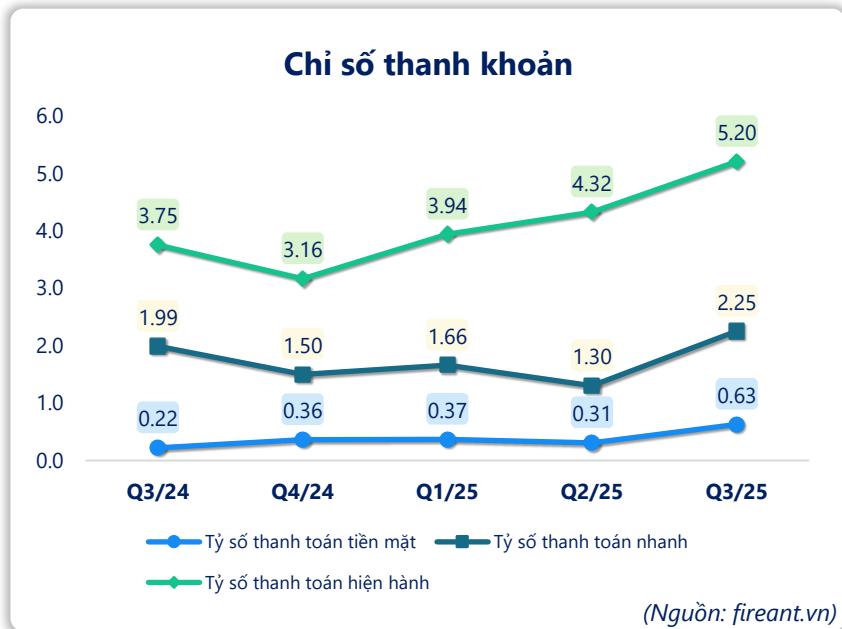
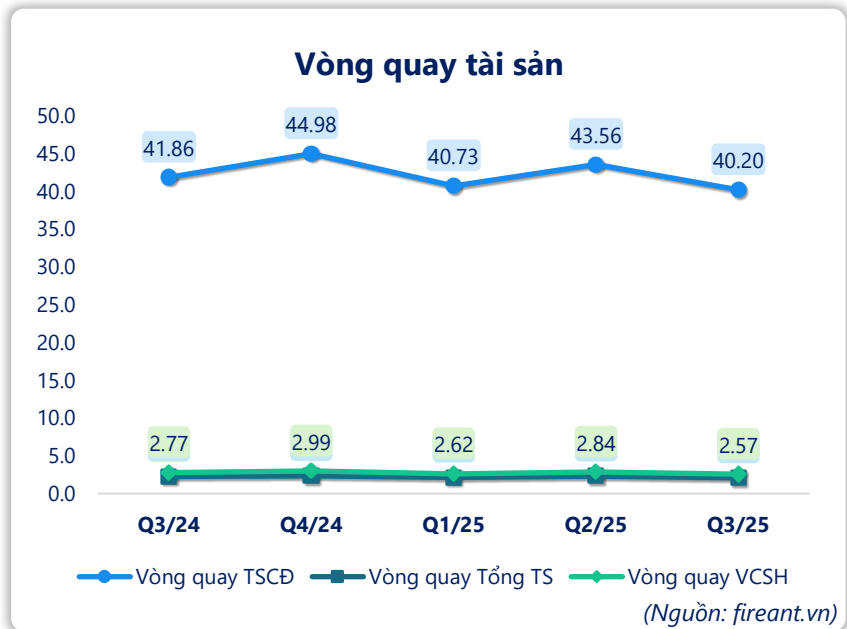
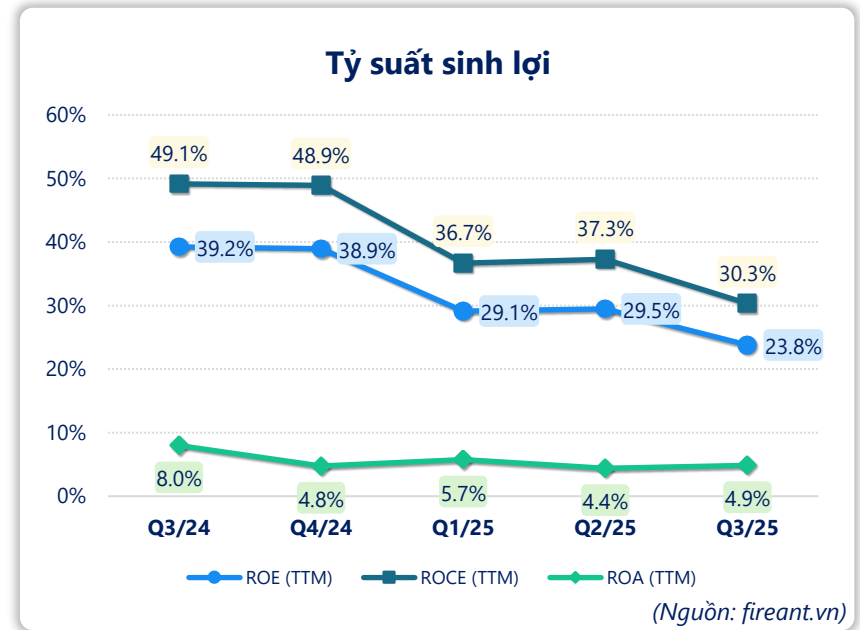
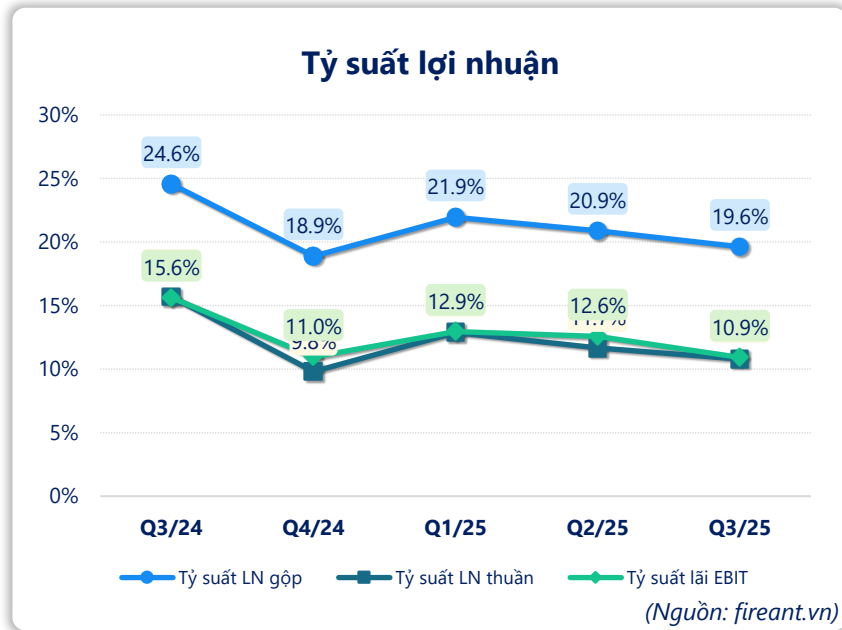
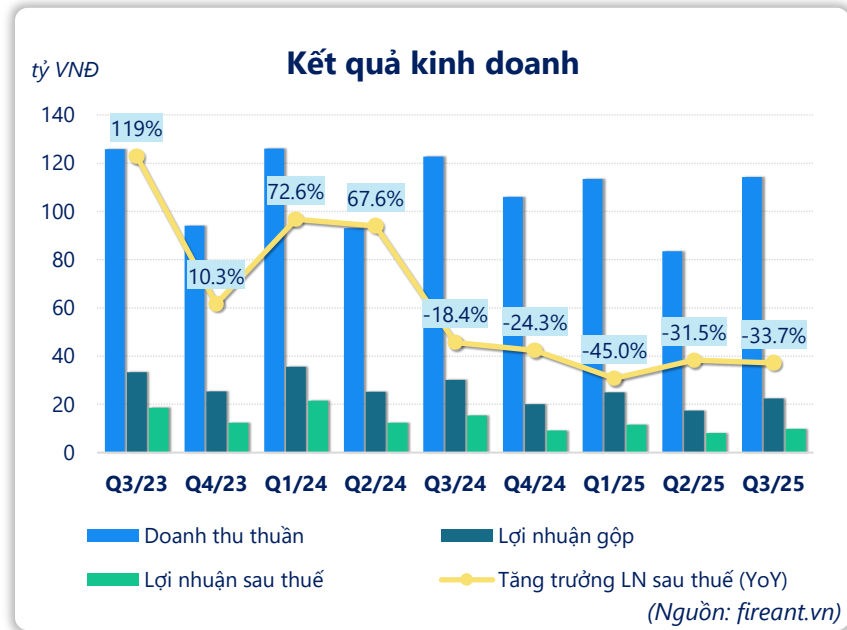


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		68,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		91,029
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		62,000
SL cổ phiếu LH		7,253,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)		155
% sở hữu nước ngoài		49.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		493
P/E		12.8
EPS		5,331

	YTD	1T	3T	6T
PHN	-11.5%	8.8%	-2.9%	-4.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	198	208	-5.2%
Tài sản ngắn hạn	162	175	-7.8%
Tiền và tương đương tiền	19.5	20.0	-2.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.8	44.0	-41.4%
Phải thu ngắn hạn	24.1	16.7	44.2%
Hàng tồn kho	91.7	92.1	-0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0.55	2.44	-77.6%
Tài sản dài hạn	36.0	33.1	8.6%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	11.5	9.32	23.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.29	2.76	-89.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.8	19.4	7.6%
Tài sản dài hạn khác	3.40	1.71	99.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	31.1	55.4	-43.9%
Nợ ngắn hạn	31.1	55.4	-43.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.6	4.99	172%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.27	13.5	-83.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	167	153	8.9%
Vốn chủ sở hữu	167	153	8.9%
Vốn điều lệ	72.5	72.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	123	106	113	83.5	114
Giá vốn hàng bán	92.6	86.0	88.6	66.0	91.8
Lợi nhuận gộp	30.1	20.0	24.9	17.4	22.4
Doanh thu HĐTC	0.74	1.39	0.87	0.79	0.47
Chi phí TC	2.69	2.60	2.71	0.81	2.31
Chi phí lãi vay	0	0.10	0.09	0.15	0.15
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.47	2.93	3.29	2.78	3.60
Chi phí QLDN	5.43	5.49	5.18	4.90	4.65
LN thuần từ HĐKD	19.3	10.4	14.6	9.74	12.3
Lợi nhuận khác	-0.09	1.12	0.00	0.60	0
LN trước thuế	19.2	11.5	14.6	10.3	12.3
Lợi nhuận sau thuế	15.3	9.11	11.6	8.16	9.78
LNST của CĐ cty mẹ	15.3	9.11	11.6	8.16	9.78

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.21	11.3	-2.60	-9.00	11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.38	7.66	3.30	18.4	-1.97
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	15.4	-9.18	-4.27	-14.6	-0.71
Tiền đầu kỳ	7.54	10.3	20.0	16.5	11.2
Lưu chuyển tiền thuần	2.76	9.74	-3.57	-5.28	8.34
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	-0.02	0.01	0.02
Tiền cuối kỳ	10.3	20.0	16.5	11.2	19.5

(Nguồn: fireant.vn)